TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày: 31-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn V
2. Ông Nguyễn Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh năm: 1986; nơi sinh: huyện N, tỉnh B; nơi cư trú: số nhà 132, ấp T, xã A, huyện N, tỉnh B; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; không xác định được cha và con bà Phạm Thị M (chết); bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án: có 01 tiền án về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo Bản án số 92/2014/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B;

- Tiền sự: không có.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05 tháng 8 năm 2022 cho đến ngày 14 tháng 12 năm 2022 bỏ trốn, không rõ đang ở đâu nên bị truy nã và bị bắt tạm giam từ ngày 03 tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- *Bị hại*:

+ Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1960; địa chỉ: số 50/1, K1, thị trấn P, huyện P, tỉnh B.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1976; địa chỉ: số 51/5, ấp T1, xã TP, huyện P, tỉnh B.

+ Bà Đặng Thị Ngọc T1, sinh năm: 1979; địa chỉ: số 137/2, K2, thị trấn P, huyện P, tỉnh B.

+ Bà Trần Thúy D, sinh năm: 1977; địa chỉ: số 52/2, K2, thị trấn P, huyện P, tỉnh B.

+ Bà Hồ Thị T2, sinh năm: 1964; địa chỉ: số 153/5, ấp T1, xã TP, huyện P, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lâm Minh B, sinh năm 1964; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 19/3, P4, thành phố B, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Lộ Đ, ấp PC, xã H, thành phố B, tỉnh B.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Châu Văn V, sinh năm: 1968; địa chỉ: số 4, ấp N, thị trấn C, huyện C, tỉnh B.

+ Anh Nguyễn Trần S, sinh năm: 1996; địa chỉ: số 885/1 ấp 1, xã S, thành phố B, tỉnh B.

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1973; địa chỉ: số 269, ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh B.

Các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn L là nhân viên của Cửa hàng Minh B, được bà Lâm Minh B (chủ cửa hàng) giao nhiệm vụ làm tài xế chở hàng (đồ gia dụng) đi giao tại các cửa hàng tạp hóa ở huyện P, tỉnh B nên quen biết với các chủ cửa hàng và nắm được quy luật giao hàng – nhận tiền của Cửa hàng Minh B. Ngày 02 tháng 5 năm 2022, L được nghỉ bù Lễ 30/4, 01/5, không được giao nhiệm vụ chở hàng đi giao và T2 tiền các cửa hàng nhưng do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên L nảy sinh ý định giả làm nhân viên T2 tiền của Cửa hàng Minh B để T2 tiền toa các khách hàng. Biết được Cửa hàng Minh B có chuyến giao hàng vào ngày 02 tháng 5 năm 2022 tại huyện P và Nguyễn Trần S là tài xế làm chung vận chuyển hàng nên L giả vờ nhắn tin trò chuyện với S để thăm dò hành trình của xe. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71S7 - 9153 đi từ thành phố B đến địa bàn huyện P rồi tiếp tục nhắn tin cho S để biết S đang ở đâu. Đến khoảng hơn 13 giờ, biết xe do S điều khiển đang ở chợ xã An T2ận, huyện P, tỉnh B, lúc này đã giao hàng rồi, chưa nhận tiền, L đi đến cửa hàng tạp hóa của bà Đặng Thị Ngọc T1 ở chợ Giồng Miễu (thị trấn P, huyện P, tỉnh B) và nói: "Gom tiền hàng chị ơi!". Thấy T2 tiền sớm hơn thường ngày nên bà T1 hỏi: "Sao nay gom sớm vậy?". L trả lời: "Hôm nay đi hai chuyến nên về sớm để chở tiếp!". Nghe vậy nên bà T1 đưa cho L số tiền 17.000.000 đồng. L nhận tiền, viết số tiền và ký tên vào hóa đơn. L cố tình ký không đúng với chữ ký thật để tránh bị phát hiện. Với cùng thủ đoạn như trên, ở khu vực chợ Giồng Miễu, L tiếp tục đến cửa hàng tạp hóa của bà Huỳnh Thị N T2 số tiền 3.000.000 đồng, đến cửa hàng tạp hóa của bà Trần Thúy D T2 số tiền 2.310.000 đồng. Tiếp đến, L điều khiển xe mô tô đi đến chợ TP ở xã TP, huyện P, tỉnh B) vào cửa hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị Hồng T T2 số tiền 2.000.000 đồng, đi tiếp qua cửa hàng tạp hóa của bà Hồ Thị T2 T2 số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, L đã chiếm đoạt tiền của 05 người, với tổng số

tiền là 34.310.000 đồng. Nhận tiền xong, L điều khiển xe mô tô di chuyển trên Quốc lộ 57 về đến xã Đ, huyện N, tỉnh B gặp và đưa cho bà Phạm Thị H (dì ruột của L) 6.000.000 đồng nhờ bà H đóng hụi giùm nhưng không nói tiền từ đâu mà có, số tiền còn lại L trả nợ và tiêu xài cá nhân. Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 02 tháng 5 năm 2022, ông Châu Văn V (nhân viên giao hàng của Cửa hàng Minh B, đi cùng S và được giao nhiệm vụ T2 tiền) đến cửa hàng của bà Đặng Thị Ngọc T1 để T2 tiền hàng đã giao thì phát hiện L đã đến T2 từ trước nên báo sự việc về Cửa hàng Minh B. Bà T1, bà D, bà T2 và bà T phát hiện bị lừa nên đến cơ quan Công an trình báo. Qua làm việc, L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Sau khi sự việc xảy ra, bà Lâm Minh B cùng các bị hại bà N, bà T, bà T1, bà D, bà T2 và L đã tiến hành thỏa T2ận. Theo đó, bà B khấu trừ số tiền mà L đã chiếm đoạt vào tiền các bị hại còn nợ cửa hàng và yêu cầu L phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho bà B. Vào ngày 30 tháng 5 năm 2022 L đã trả cho bà Lâm Minh B số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ 14.310.000 đồng.

Vật chứng của vụ án được T2 giữ: ngày 13 tháng 6 năm 2022, bà T2 đã giao nộp file chứa 01 đoạn video với thời lượng 17 giây ghi nhận quá trình giao nhận tiền hàng giữa bà T2 và L vào ngày 02 tháng 5 năm 2022.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKS, ngày 29 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 01 (một) năm tù đến 02 (hai) năm tù. Do bị cáo không có công việc có T2 nhập ổn định, không có tài sản riêng, không đảm nhận chức vụ nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa T2ận của bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Minh B, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà Lâm Minh B số tiền 14.310.000 đồng; ghi nhận việc các bị hại không yêu cầu bồi thường thêm.

Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106, 107 Bộ luật Tố tụng Hình sự, lưu kèm theo hồ sơ vụ án 01 đĩa chứa đoạn video có thời lượng 17 giây ghi nhận quá trình giao nhận tiền hàng giữa bà Hồ Thị T2 và Phạm Văn L vào ngày 02 tháng 5 năm 2022.

Đối với bà Phạm Thị H có hành vi nhận số tiền 6.000.000 đồng từ Phạm Văn L nhưng không biết đó là tài sản do hành vi phạm tội mà có. Tại thời điểm trước, trong và sau khi L thực hiện hành vi phạm tội bà H cũng không có bàn bạc, thống nhất nội dung gì với L và cũng không có bất cứ hành vi gì hỗ trợ, giúp sức nên bà H không phạm tội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình. Bị cáo đồng ý tội danh, khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm hoà nhập cộng đồng.

Theo nội dung đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Minh B có yêu cầu như sau: về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự yêu cầu tiếp tục bồi thường số tiền 14.310.000 đồng.

Những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: lời khai nhận của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với các chứng khác như: vật chứng T2 giữ, lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, ngày 02 tháng 5 năm 2022, tại xã TP và thị trấn P, huyện P, tỉnh B, Phạm Văn L dùng thủ đoạn gian dối giả làm nhân viên T2 tiền hàng (đồ gia dụng) của Cửa hàng Minh B lừa đảo chiếm đoạt của bà Đặng Thị Ngọc T1 17.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Huỳnh Thị N số tiền 3.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Trần Thúy D số tiền 2.310.000 đồng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 2.000.000 đồng và chiếm đoạt của bà Hồ Thị T2 số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng L đã chiếm đoạt tài sản của 05 người với 05 lần chiếm đoạt tổng số tiền là 34.310.000 đồng.

Vì vậy, bản Cáo trạng số 60/CT-VKS, ngày 29 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Phạm Văn L về "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. *Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng T2ộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*.".

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra, truy tố và tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại về tài sản; bị cáo đã ra đầu thú sau khi có quyết định truy nã nên xem xét áp dụng các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có 05 lần chiếm đoạt tài sản có giá trị đủ định lượng để truy tố nên phải chịu áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và phải chịu thêm tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự do có 01 tiền án về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

[6] Về lượng hình: Trong vụ án bị cáo thực hiện hành vi của mình là cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành. Trong khi đó, bị cáo tuổi đời còn trẻ, có thể lao động chân chính để chăm lo, phát triển kinh tế, nuôi sống bản thân nhưng không chí thú làm ăn mà lại dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tước đoạt các giá trị, công sức lao động chân chính của người khác nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân của bị cáo. Mặt khác, bị cáo đang có 01 tiền án nên hơn ai hết bị cáo phải nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Khi vụ án được đưa ra xét xét xử, bị cáo vắng mặt không có lý do, không biết bị cáo đang ở đâu, dẫn đến vụ án phải tạm đình chỉ và cơ quan chức năng phải ra quyết định truy nã đối với bị cáo, làm cản trở, kéo dài các hoạt động tố tụng. Qua đó cho thấy bị cáo có thái độ xem thường pháp luật, khó cải tạo, giáo dục, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, trong môi trường có sự theo dõi, giáo dục, cải tạo nghiêm khắc để bị cáo có thời gian suy ngẫm về hành vi của mình, từ đó phấn đấu trở thành một công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện thỏa T2ận của bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Minh B, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà Lâm Minh B số tiền 14.310.000 đồng; ghi nhận việc các bị hại không yêu cầu bồi thường thêm.

[8] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106, 107 Bộ luật Tố tụng Hình sự, lưu kèm theo hồ sơ vụ án 01 đĩa chứa đoạn video có thời lượng 17 giây ghi nhận quá trình giao nhận tiền hàng giữa bà Hồ Thị T2 và Phạm Văn L vào ngày 02 tháng 5 năm 2022.

[9] Đối với bà Phạm Thị H có hành vi nhận số tiền 6.000.000 đồng từ Phạm Văn L nhưng không biết đó là tài sản do hành vi phạm tội mà có. Tại thời điểm trước, trong và sau khi L thực hiện hành vi phạm tội bà H cũng không có bàn bạc, thống nhất nội dung gì với L và cũng không có bất cứ hành vi gì hỗ trợ, giúp sức nên bà H không phạm tội.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 01 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện thỏa T2ận của bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Minh B, buộc bị cáo Phạm Văn L phải tiếp tục bồi thường cho bà Lâm Minh B số tiền 14.310.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106, 107 Bộ luật Tố tụng Hình sự, lưu kèm theo hồ sơ vụ án 01 đĩa chứa đoạn video có thời lượng 17 giây ghi nhận quá trình giao nhận tiền hàng giữa bà Hồ Thị T2 và Phạm Văn L vào ngày 02 tháng 5 năm 2022.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn L phải nộp 200.000 đồng.

5. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh B;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung